

Bản án số: 255/2021/HC-PT

Ngày: 25/11/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9626/2021/QĐPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị A sinh năm 1958; địa chỉ: Nhà số 5, ngõ 255, phố BĐ, tổ 15 phường BĐ, quận LB, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Hoàng A1 - Văn phòng Luật sư AVN thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội;

2. Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ tại: Số 1 phố VH, phường VH1, quận LB, thành phố Hà Nội và đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 101 phố BĐ, phường BĐ, quận LB, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017, sửa đổi ngày 13/5/2017, bổ sung tại phiên tòa ngày 16/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Phạm Thị A trình bày:

Bà Phạm Thị A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận LB, thành phố Hà Nội về việc thu hồi 72,3m² đất; hủy Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; hủy Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch UBND quận LB về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; hủy Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị A (sau đây viết tắt là Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 và Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017) với những lý do sau:

- Đối với quyết định thu hồi đất:

+ Quyết định thu hồi đất áp dụng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013 là không phù hợp vì diện tích đất gia đình sử dụng không nằm trong phạm vi dự án tạo quỹ đất sạch, xây dựng công trình công cộng hay hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nên không phải là đối tượng bị thu hồi bồi: Trong luật đất đai không có chỗ nào quy định tạo quỹ đất sạch. UBND quận cố tình phê duyệt điều chỉnh tên dự án cho khớp với tiêu chí "hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật" nhưng thực chất là thu hồi để bán đấu giá. Khoản 3 Điều 62 không cho phép thu hồi đất để bán đấu giá. Và những trường hợp thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 phải có sự chấp thuận của HĐND tỉnh. Mặt khác, loại đất để thực hiện dự án "tạo quỹ đất sạch" là đất ODT (đất ở đô thị) nhưng khi điều chỉnh tên dự án "hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật" lại là đất ĐHT (đất phát triển hạ tầng) thì UBND quận không có thẩm quyền điều chỉnh tên dự án mà thẩm quyền phải là của UBND thành phố.

+ Quyết định thu hồi đất căn cứ vào Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của quận LB nhưng nội dung quyết định này đã ghi rõ "Đang trình thành phố xem xét". Như vậy, Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 chưa phải là sự đồng thuận hay phê duyệt thu hồi ô đất ký hiệu E.2/N011 trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của quận LB.

+ Trên bản vẽ quy hoạch, hai ô đất ký hiệu E.2/NT5 và E.2/CL2 là dải cây xanh phụ cận tuyến đường 40m và công trình công cộng thì việc thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 là phù hợp. Tuy nhiên, ô đất có ký hiệu

E.2/N011 trong đó có diện tích gia đình bị thu hồi không liên quan gì đến “hạ tầng kỹ thuật” hay “công trình công cộng” mà là được bổ sung vào cho hợp pháp rồi đem bán đấu giá, không theo chính sách đầu tư công. Quyết định 11742/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND quận LB về việc phê duyệt điều chỉnh tên dự án đã lồng ghép 03 ô đất vào chung một dự án có mục đích khác nhau là trái quy định của pháp luật và ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội tại Văn bản số 6249/UBND-KH&ĐT ngày 07/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện dự án giải phóng mặt bằng bởi việc bổ sung kế hoạch thu hồi đất để bán đấu giá chỉ có thể thực hiện khi tách thành một dự án độc lập và xin phê duyệt theo một quy trình riêng.

+ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất không có danh mục đấu giá diện tích đất bị thu hồi của gia đình.

- Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường:

+ Nguồn gốc đất bị thu hồi đã được xác định trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đất do UBND xã cấp 74m² đổi cho bà Nguyễn Thị A2 trên diện tích đất nông nghiệp do UBND xã quản lý khi lấy đất ở của gia đình để làm đường năm 1995. Bà đã xây dựng nhà ở ổn định từ đó cho đến nay. Căn cứ Biên bản họp gia đình ngày 18/9/2015 có xác nhận của UBND phường BĐ thì bà là người sử dụng đất hợp pháp không liên quan đến các thành viên trong gia đình. Diện tích đất bị thu hồi phải được coi là đất đã tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở và có quá trình sử dụng ổn định nên diện tích đất bị thu hồi phải được xác định là đất ở. Mặt khác, sơ đồ trích lục thửa đất ngày 12/01/2015 và giấy xác nhận của UBND phường ngày 05/5/2016 đều xác định là đất ở.

+ Không phê duyệt tái định cư cho hộ gia đình bà Phạm Thị A trong khi quỹ đất còn là không đúng.

+ Kể cả trường hợp điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ 33,5m² theo giá đất ở như quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định điều chỉnh vẫn không phù hợp quy định của pháp luật đất đai.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận LB, Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội (do người đại diện hợp pháp) trình bày:

Chấp thuận Tờ trình số 1217/TTr-BCĐ ngày 31/12/2014 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là GPMB) thành phố Hà Nội về việc giải quyết tồn tại của các phương án đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 khi thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường nội từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Văn bản số 510/UBND-TNMT ngày 23/01/2015 về việc giải quyết vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ cho một số gia đình thuộc dự án theo hướng “Bồi thường cho các gia đình, cá nhân theo giá đất ở đối với diện tích bằng diện tích trước đây chính quyền địa phương đã lấy đất để làm đường được UBND quận, UBND phường xác nhận đã lấy là đất ở. Diện tích đất thu hồi vượt diện tích được bồi thường theo nguyên tắc nêu trên được

xác định như đất nông nghiệp”. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai việc xác định diện tích đất đổi trước đây gặp khó khăn. Do đó, UBND thành phố Hà Nội đã đồng ý với Tờ trình số 322/TTrLN ngày 07/5/2015 của liên ngành về việc giải quyết vướng mắc tại dự án đã ban hành Văn bản số 3589/UBND-TNMT ngày 27/5/2015 có nội dung “UBND quận LB có trách nhiệm chỉ đạo UBND phường xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, diện tích đất sử dụng và thẩm định xác nhận của UBND phường trước khi sử dụng làm căn cứ lập, thẩm định, phê duyệt phương án”.

Ngày 09/6/2015, UBND phường BÐ ban hành văn bản Giấy xác nhận sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và hộ gia đình đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất: Diện tích đất bà Phạm Thị A đang sử dụng có nguồn gốc là đất do UBND xã BÐ trước đây cấp đổi cho bà Nguyễn Thị A2 (mẹ của bà Phạm Thị A) khi lấy đất ở của bà A2 tại thửa số 341 tờ bản đồ 01 đo đạc năm 1960 để làm đường năm 1995; diện tích đất ở của bà A2 bị lấy là 37m² với tỷ lệ đổi là 1m² đất thổ cư lấy 2m² đất nông nghiệp nên được đổi thành diện tích 75m² nhưng đo đạc thực tế là 75,8m² thuộc thửa số 204(4) tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính phường BÐ.

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận LB có Báo cáo số 1758/BC-TNMT ngày 10/7/2015 về việc kết quả thẩm tra xác nhận nguồn gốc đất của 19 hộ có nguồn gốc do đổi đất làm đường, phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H trong đó có hộ bà A với kết luận: UBND phường BÐ giao 75m² đất nông nghiệp cho hộ bà A2 (mẹ của bà Phạm Thị A) để đổi lấy 37m² đất thổ cư.

Như vậy, diện tích 37,0m² đất đổi của hộ bà Phạm Thị A đủ điều kiện bồi thường theo giá đất ở, diện tích 38,8m² tăng lên so với diện tích đổi được xác định là đất nông nghiệp.

Ngày 15/9/2015, HUBND quận LB ban hành Quyết định số 53/QĐ-HUBND ngày 15/9/2015 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án GPMB tạo quỹ đất sạch để quản lý theo quy hoạch các ô đất E.2/N011, E.2/NT5, E.2/CL2 tại phường BÐ.

Ngày 05/5/2016, UBND phường BÐ có Giấy xác nhận về sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của bà Phạm Thị A để thực hiện dự án GPMB, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/N011, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m có nội dung xác nhận giống như đã xác nhận tại Giấy xác nhận ngày 09/6/2015.

Diện tích đất bà Phạm Thị A bị thu hồi để thực hiện 02 dự án gồm:

Dự án thứ nhất là Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H là 3,5m² đã được bồi thường, hỗ trợ theo giá đất ở theo Quyết của định số 10287/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 UBND quận LB về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị A. Do vậy, diện tích đất đủ điều kiện bồi thường theo giá đất ở còn lại của hộ bà Phạm Thị

A là $33,5\text{m}^2$ ($37\text{m}^2 - 3,5\text{m}^2$).

Dự án thứ hai là GPMB, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m là $72,3\text{m}^2$ bị thu hồi theo Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB và bồi thường theo Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB với nội dung bồi thường $72,3\text{m}^2$ theo giá đất nông nghiệp là không phù hợp nên Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch UBND quận LB về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị A được bồi thường $33,5\text{m}^2$ theo giá đất ở và $38,8\text{m}^2$ theo giá đất nông nghiệp là đảm bảo quyền lợi cho hộ bà Phạm Thị A. Quan điểm của UBND quận LB là đề nghị Tòa án nhân dân thành phố xét xử bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB (do người đại diện hợp pháp) trình bày: UBND phường đã có các Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 05/5/2016 và cung cấp cho Tòa án Biên bản họp gia đình ngày 18/9/2015, bản đồ địa chính và trích lục thửa đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2019/HC-ST ngày 28/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A về việc hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB về việc thu hồi $72,3\text{m}^2$ đất đối với hộ gia đình bà Phạm Thị A đang sử dụng tại phường BĐ để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H).

- Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Phạm Thị A trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H) phường BĐ, quận LB.

- Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch UBND

quận LB về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Phạm Thị A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2019, người khởi kiện là bà Phạm Thị A có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Phạm Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà A, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chấp hành không đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 và Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của UBND và Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội đã được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đảm bảo căn cứ pháp lý nên Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên thiếu đối với Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB nên đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Ngày 21/02/2017, bà Phạm Thị A nộp trực tiếp tại Tòa án đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2017 yêu cầu hủy Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB, thành phố Hà Nội về việc thu hồi 72,3m² đất để thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC đến đê tả ngạn sông H) quận LB; hủy Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/5/2019, bà A bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch UBND quận LB về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và hủy Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà A (sau đây viết tắt là Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017). Các quyết định này là các quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại các khoản 4, 6, 14 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Việc bà A khởi kiện các quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 luật tố tụng hành chính và việc bà A bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định khoản 3 Điều 32 luật tố tụng hành chính.

[2] Ngày 08/7/2019, người khởi kiện là bà A có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205, khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận LB, thành phố Hà Nội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường BĐ, quận LB vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

- Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định và hình thức quyết định:

[4.1] Ngày 29/9/2016, UBND quận LB ban hành Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về việc thu hồi 72,3m² đất của hộ bà A và Quyết định số 6760/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà A. bà A khiếu nại cả 02 quyết định này. Ngày 01/12/2016, Chủ tịch UBND quận LB đã ban hành Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà A. Ngày 08/02/2017, UBND quận LB ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà A.

[4.2] Các Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016, Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 được ban hành đúng thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; các điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo đúng quy định tại các điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại.

[5] Về căn cứ ban hành:

[5.1] Đối với Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 (được đình chính bởi Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 09/5/2019)

[5.1.1] Theo Văn bản số 6249/UBND-KH&ĐT ngày 07/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội, UBND quận LB được giao làm chủ đầu tư Dự án Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch tại các ô quy hoạch E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 phường BĐ; sau khi giải phóng mặt bằng, trình cấp có thẩm quyền bổ sung ô đất E.2/NO11 vào kế hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất làm cơ sở tổ chức thực hiện, quản lý chống lấn chiếm các ô đất E.2/NT5, E.2/CL2. Tại Quyết định số 53/QĐ-HĐND ngày 15/9/2015, HĐND quận LB phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và mục tiêu đầu tư dự án này là để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch và thu hút các nhà đầu tư vào thực hiện các dự án có sử dụng đất theo quy hoạch phục vụ công tác phát triển kinh tế, xã hội. Tại Quyết định số 9078/QĐ-UBND ngày 16/9/2015, UBND quận LB phê duyệt dự án. Ngày 24/12/2015, dự án được điều chỉnh tên thành Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 tại phường BĐ theo Quyết định số 11742/QĐ-UBND của UBND quận LB và được HĐND quận LB phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/12/2015.

[5.1.2] Tại Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2016 của UBND thành phố về đấu giá quyền sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn thành phố Hà Nội không có dự án Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch tại các ô quy hoạch E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phường BĐ. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận LB thì Dự án Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch ô đất C2-3/NO9 phường BĐ (phân khu N10: E.2/NO11; E.2/NT5; E.2/CL2) đã được phê duyệt ở mục “Các dự án chưa thực hiện trong

KHSDD 2015, chuyển sang thực hiện trong KHSDD 2016”, trong đó các ô đất này thuộc loại đất ở nông thôn (ODT); căn cứ pháp lý được cấp có thẩm quyền chấp thuận là “Đang trình thành phố xin giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch bằng vốn ngân sách quận để tổ chức đấu giá theo chỉ đạo của UBND quận bổ sung vào kế hoạch đấu giá của thành phố”; và tại điểm b Điều 2 có nội dung là UBND thành phố Hà Nội giao UBND quận LB thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

[5.1.3] Thực hiện Văn bản số 6249/UBND-KH&ĐT ngày 07/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội, ô đất E.2/NO11 đã được bổ sung vào kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất của thành phố Hà Nội tại Văn bản số 3620/UBND-KH&ĐT ngày 17/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có ô đất E.2/NO11 phường BĐ thuộc Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H) hiện đang thực hiện giải phóng mặt bằng đủ điều kiện đấu giá trong năm 2016.

[5.1.4] Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 tại phường BĐ có mức đầu tư 49.921.650.000đ bằng nguồn vốn ứng trước từ ngân sách quận LB và được thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng nên theo khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công 2014 thuộc Dự án nhóm C. Do đó, UBND quận LB quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh tên dự án và được Hội đồng nhân dân quận LB phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt điều chỉnh tên dự án là đúng quy định tại các khoản 5, 6 Điều 17 Luật Đầu tư công 2014, Quyết định 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

[5.1.5] Như vậy, Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 tại phường BĐ là dự án đầu tư công bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013.

[5.1.6] Sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội có văn bản số 5903/STNMT-KH&ĐT hướng dẫn việc xác định ranh giới khu đất thu hồi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NOH, E.2/NT5, E.2/CL2 tại phường BĐ và sau thời gian 180 ngày kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất, UBND quận LB ban hành Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 thu hồi 72,3m² đất của hộ bà A đang sử dụng để thực hiện dự án này.

[5.1.7] Như vậy, việc UBND quận LB ban hành Quyết định số 6732/QĐ-

UBND ngày 29/9/2016 thu hồi 72,3m² đất của hộ bà A đang sử dụng đang sử dụng để thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E2/NOH, E2/NT5, E2/CL2 tại phường BÐ là đúng quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 13/2015/HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; danh mục các dự án công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ năm 2016 trên địa bàn thành phố; Điều 12 Quyết định 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

[5.1.8] Việc người khởi kiện cho rằng Quyết định số 11742/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND quận LB về việc phê duyệt điều chỉnh tên dự án đã lồng ghép 03 ô đất vào chung một dự án có mục đích khác nhau và dự án thu hồi đất của dân sau đó chia lô để bán đất hay còn gọi là đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 mà phải thỏa thuận về bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

[6] Đối với Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 và Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017

[6.1] Về xác định loại đất: Bà A không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 nên theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND quận LB đã căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và hiện trạng đang sử dụng để xác định loại đất. Tại Quyết định số 8622/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 và Quyết định số 10287/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND quận LB về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H; Báo cáo số 1758/10/7/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận LB về việc kết quả thẩm tra xác nhận nguồn gốc đất của các hộ gia đình có nguồn gốc do đổi đất làm đường, phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H; Biên bản họp gia đình ngày 18/9/2015 (có chứng thực của UBND phường BÐ) và Giấy xác nhận ngày 12/9/2016 thể hiện thửa đất hộ gia đình bà A được bố mẹ để lại có nguồn gốc là do UBND phường BÐ cấp 74m² đất nông nghiệp để đổi lấy 37m² đất thổ cư của cụ Phạm Văn A3 và vợ là cụ Nguyễn Thị A2 (là bố mẹ đẻ của bà A) để xây dựng nhà trẻ LD năm 1995. Thửa đất nông nghiệp của gia đình cụ A2 được đổi nằm tại xứ đồng PG không thể hiện số hiệu thửa đất trên Bản đồ năm 1960 và Bản đồ đất nông nghiệp năm 1993, còn theo Bản đồ địa chính năm 1995 là thửa số 205(4), tờ bản đồ số 16, diện tích đo thực tế là 75,8m². Như vậy, thửa đất số 205(4), tờ bản đồ số 16 diện tích 75,8m² của bà A là đất nông nghiệp có nguồn gốc đổi từ đất ở. Tại Thông báo thu hồi đất ngày 24/9/2015 và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2015, UBND quận LB xác định loại đất, mục đích sử

dụng là đất ở căn cứ vào nguồn gốc đất.

[6.2] Về bồi thường, hỗ trợ đất:

[6.2.1] Năm 2014, bà A bị thu hồi 3,5m² để thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H và được bồi thường theo giá đất ở tại Quyết định số 8622/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 và Quyết định số 10287/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND quận LB về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Diện tích còn lại là 72,3m² bị thu hồi hết để thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E2/NOH, E2/NT5 và E2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H), được phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ tại các quyết định hành chính đang bị kiện.

[6.2.2] Theo Tờ trình số 1217/TTr-BCĐ ngày 31/12/2014 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội về việc giải quyết tồn tại của các phương án đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 khi thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường nối từ đường NVC với đê Tả ngạn sông H và Văn bản số 510/UBND-TNMT ngày 23/01/2015 của UBND thành phố Hà Nội thì hộ gia đình bà A được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích bằng diện tích trước đây chính quyền địa phương đã lấy đất để làm đường được UBND quận, UBND phường xác nhận đã lấy là đất ở, diện tích đất thu hồi vượt diện tích được bồi thường theo nguyên tắc nêu trên được xác định như đất nông nghiệp. Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường theo giá đất ở của bà A là 37m², đã được bồi thường 3,5m² theo giá đất ở tại Quyết định số 10287/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND quận LB, diện tích được bồi thường theo giá đất ở còn lại là 33,5m², diện tích đất thu hồi vượt diện tích đất ở đối trước đây là 38,8m² được bồi thường theo giá đất nông nghiệp.

[6.2.3] Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB phê duyệt bồi thường 72,3m² theo giá đất nông nghiệp là không đúng nên ngày 08/02/2017, UBND quận LB đã ban hành Quyết định số 670/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh lại với 38,8m² được bồi thường theo giá đất nông nghiệp 252.000đ/m² và 33,5m² được bồi thường theo giá đất ở 14.400.000đ/m² là đúng quy định của pháp luật, đúng đơn giá đất ở quy định tại Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H).

[6.3] Về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: Theo Biên bản kiểm tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 23/12/2015, trên đất có tường xây gạch 110 bờ trụ cao 2m dài 1,63m; 06 cây chuối có buồng, 04 cây chuối không có buồng cao >1,5m. Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày

29/9/2016 của UBND quận LB phê duyệt bồi thường thiệt hại đối với công trình xây dựng và cây trồng trên đất đúng với quy định tại Điều 89, Điều 90 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

[6.4] Về bồi thường, hỗ trợ khác: Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB phê duyệt cho bà Phạm Thị A được bồi thường 5.000.000đ chi phí di chuyển tài sản là đúng quy định tại Điều 91 Luật Đất đai 2013 và khoản 1 Điều 15 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội. Việc UBND phường BĐ cấp đổi đất cho gia đình bà Phạm Thị A là không đúng thẩm quyền, thửa đất này cũng không phải Nhà nước giao cho hộ gia đình bà A để sản xuất nông nghiệp, trên đất bị thu hồi không có nhà ở, không có người sinh sống trên đất, không phải di chuyển chỗ ở nên Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB không phê duyệt các khoản hỗ trợ khác ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tái định cư là đúng quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai 2013; Điều 19, Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[6.5] Như vậy, Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận LB về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ được điều chỉnh bởi Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà A là đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016: Căn cứ Báo cáo số 121/BC-GPMB ngày 29/11/2016 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, Chủ tịch UBND quận LB đã ban hành Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 giải quyết khiếu nại của bà A và đã kết luận nội dung bồi thường 72,3m² đất của bà A theo giá đất nông nghiệp tại Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 là chưa phù hợp nên đã quyết định giao Ban bồi thường giải phóng mặt bằng hướng dẫn Chi nhánh phát triển quỹ đất quận LB lập phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 33,5m² đất bị thu hồi của hộ bà A theo giá đất ở; bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 38,8m² theo giá đất nông nghiệp là đúng pháp luật.

[8] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là có cơ sở. Tuy nhiên, trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên thiếu Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND quận LB về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị A, là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung thêm nội dung này cho đầy đủ.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[10] Bà A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị A.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A về việc hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Quyết định số 6732/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội về việc thu hồi 72,3m² đất đối với hộ gia đình bà Phạm Thị A đang sử dụng tại phường BĐ để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H).

- Quyết định số 6760/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Phạm Thị A trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ NVC với đê tả ngạn sông H) phường BĐ, quận LB.

- Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội về phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị A.

- Quyết định số 4593/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận LB, thành phố Hà Nội về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Phạm Thị A.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Trả lại bà Phạm Thị A 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2015/0004872 ngày 24/7/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Đặng Văn Hưng

Vũ Minh Tuấn